

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày 03-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phan Hoàng Mai.

Ông Trần Ngọc Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà Tạ Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1002/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 742/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP L1 (trước đây là Ngân hàng TMCP B) (viết tắt Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: Tầng A tòa nhà T, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP L1 là ông Trần Quốc C; Chức vụ: Phó Giám Đốc kiêm Trưởng phòng khách hàng. Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1982 – Chủ Hộ kinh doanh nhà trọ T (vắng mặt).

Địa chỉ: số A - A, hẻm R, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung vụ án thể hiện:*

\* Bà Trần Thị H ký với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh A các Hợp đồng tín dụng (viết tắt HĐTD) sau:

1. Ngày 17/12/2021 bà Trần Thị H đã ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; hạn mức tín dụng thẻ là 100.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức 36 tháng (từ ngày 17/12/2021 đến ngày 17/12/2024), lãi suất trong hạn là 28%/năm, lãi suất quá hạn là 42%/năm.

2. Ngày 28/3/2022 bà Trần Thị H đã ký HĐTD số HDTD9102022303; thời hạn vay là 5 tháng; mục đích là bổ sung kinh doanh mỹ phẩm, nước hoa; lãi suất trong hạn là 11.76%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Với 02 khế ước nhận nợ:

- Khế ước số 9102022319/004, số tiền vay 320.000.000 đồng, hạn trả từ 27/01/2023 đến ngày 27/6/2023.

- Khế ước số 9102022319/005, số tiền vay 1.300.000.000 đồng, hạn trả từ 27/01/2023 đến ngày 27/6/2023.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên bà H đã ký với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh A Hợp đồng thế chấp (viết tắt HĐTC) số: HDBD9102022303 ngày 28/3/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03725 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 06/01/2020 cho ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Thúy L đứng tên. Đến ngày 24/3/2022 chuyển nhượng cho bà Trần Thị H đứng tên, diện tích 65.5m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị; thửa số 37, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại phường M, thành phố L, An Giang.

Quá trình thực hiện các hợp đồng bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà Trần Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/01/2025 là 2.135.657.907, trong đó:

- Khoản vay là 2.020.010.635 đồng (gốc: 1.589.798.047 đồng, lãi quá hạn: 4.134.632 đồng, lãi chậm trả gốc: 425.451.531 đồng, lãi chậm trả lãi: 626.425 đồng).

- Thẻ tín dụng: 115.647.272 đồng (gốc: 60.034.049 đồng, lãi quá hạn: 55.613.223 đồng, phí 1.386.419 đồng, thuế 138.642 đồng).

2. Yêu cầu bà H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số tiền vốn gốc của các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ tiếp theo của ngày 03/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền vốn, lãi.

3. Trường hợp bà H không trả hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP L1 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp HDBD9102022303 ngày 28/03/2022.

4. Sau khi xử lý hết tài sản đảm bảo mà vẫn không trả hết nợ, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng, vay vốn với mục đích bổ sung vốn kinh doanh mỹ phẩm, nước hoa, tại phiên tòa Ngân hàng cung cấp Giấy đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh nhà trọ Trúc Linh 1 do bà H là chủ hộ kinh doanh, trong đó có kinh doanh mỹ phẩm và nước hoa, nên Hội đồng xét xử xác định loại án kinh doanh thương mại là phù hợp quy định; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác đúng quy định mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H có ký với Ngân hàng các HĐTD để vay tổng số tiền 1.620.000.000 đồng và bà H được cấp Thẻ tín dụng hạn mức

100.000.000 đồng. Bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong HĐTD, đã dẫn đến nợ quá hạn.

[2.1] Xét các HĐTD mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo các HĐTD đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 03/01/2025 là 2.135.657.907 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét, HĐTC được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 119, Điều 318 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trường hợp bà H không trả được vốn, lãi thì được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Ngân hàng còn yêu cầu là sau khi xử lý hết tài sản đảm bảo mà vẫn không trả hết nợ, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Tại khoản 5.5 Điều 5 của HĐTC số HDBD9102022303 có bên thỏa thuận: “...*Nếu không đủ để trả nợ, thì Bên thế chấp phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bên nhận thế chấp...*”. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ nên bà phải chịu, Ngân hàng đã tạm ứng đủ, bà phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc thanh toán (2.135.657.907 đồng) là 74.713.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận Ngân hàng không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 398, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L1 đối với bà Trần Thị H. Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L1 tổng số tiền tính đến ngày 03/01/2025 là 2.135.657.907 đồng, trong đó:

- Khoản vay của Hợp đồng tín dụng số: HDTD9102022303 ngày 28/03/2022 là 2.020.010.635 đồng (gốc: 1.589.798.047 đồng; lãi quá hạn: 4.134.632 đồng; lãi chậm trả gốc: 425.451.531 đồng; lãi chậm trả lãi: 626.425 đồng).

- Thẻ tín dụng ngày 27/12/2021 là 115.647.272 đồng (gốc: 60.034.049 đồng; lãi quá hạn: 55.613.223 đồng, phí 1.386.419 đồng, thuế 138.642 đồng).

2. Bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ vốn, lãi.

3. Trường hợp bà Trần Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202226555008A ngày 10/3/2022 và số 202327310867 ngày 17/11/2023 để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03725 do Sở T cấp ngày 06/01/2020 cho ông Lê Văn Q và bà Trương Thị Thúy L đứng tên. Đến ngày 24/3/2022 chuyển nhượng cho bà Trần Thị H đứng tên, diện tích 65.5m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị; thửa số 37, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

4. Sau khi xử lý hết tài sản đảm bảo mà vẫn không trả hết nợ, bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP L1.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L1 số tiền 1.000.000 đồng.

6. Về án phí:

- Bà Trần Thị H phải chịu 74.713.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP L1 được nhận lại 35.979.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000684 ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Toàn    Võ Thanh Tân**

**Lê Thị Hồng Thi**







***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi